TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 22, 27/05 – 31/05/2024

"Loay hoay"

Tiêu điểm:

- Tháng 5/2024 ghi nhận lượng vốn đầu tư điều chỉnh FDI tăng thêm lớn nhất trong các tháng đầu năm 2024 với hơn 800 triệu USD.
- Sản xuất công nghiệp tháng 5 tiếp tục xu hướng tăng trưởng, theo đó IIP tháng 5 tăng 3.9% so với tháng trước và tăng 8.9% so với cùng kỳ
- Theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME, khả năng Fed bắt đầu giảm lãi suất vào tháng 9 chỉ còn dưới 50% trong tuần vừa rồi từ mức khoảng 70% trước đó 1 tuần.

Đánh giá: Diễn biến kém khả quan của thị trường chứng khoán Mỹ khiến thị trường trong nước chịu nhiều áp lực bán tại vùng đỉnh. Chúng tôi đánh giá trong ngắn hạn khả năng VNINDEX vượt 1,300 là thấp. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn triển vọng của thị trường chứng khoán vẫn khả quan hơn khi kì vọng vào FED lần đầu hạ lãi suất, lúc đó sự đồng thuận của chính sách tiền tệ của Việt Nam và Mỹ sẽ hỗ trợ cho đà tăng của thị trường.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, thị trường đóng cửa 1,261 (-0.21 điểm, -0.02%) với thanh khoản tương đối. Trong tuần qua, VNINDEX đã giao dịch trong kịch bản cơ sở là giằng co trong vùng 1,250 – 1,280, nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn diễn biến phân hóa. Trong kịch bản kém khả quan, nếu thị trường thủng vùng 1,250, khả năng cao VNINDEX sẽ vi phạm xu hướng tăng trung hạn và quay về vùng 1,200 – 1,230.

Ý tưởng đầu tư: Cơ hội giao dịch ngắn hạn gặp nhiều khó khăn hơn khi thị trường sideway trong biên độ hẹp, tuy nhiên những nhịp giảm điểm về lại các vùng hỗ trợ là cơ hội cho các nhà đầu tư trung dài hạn tích lũy thêm cổ phiếu tốt.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,262	0.0	4.3	0.7	11.7		15.9	1.8	203
Upcom Index	96	1.6	8.0	5.8	10.2		12.6	1.3	58
HNX Index	243	0.6	7.2	3.2	5.2		20.1	1.3	12
VN30 Index	1,276	-0.6	2.9	0.8	12.8		12.3	1.7	140
S&P 500 Index	5,235	-1.3	4.0	2.7	9.8		24.4	4.7	45,660
STOXX Europe 600 Index	517	-0.7	2.4	4.5	7.9		15.6	2.1	14,811
Hang Seng	18,080	-2.8	1.8	9.5	6.1		10.2	1.1	2,743
Nikkei 225	38,488	-0.4	0.2	-1.7	15.0		26.7	2.0	4,492
SHCOMP Index	3,087	-0.1	-0.6	2.4	3.8		14.0	1.3	6,539
STI Index	3,333	0.5	1.2	6.1	2.9		12.2	1.1	371
KOSPI Index	2,637	-1.9	-2.1	-0.2	-0.7		15.5	0.9	1,501

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-0.2	3.9	12.6	-10.9	10.2	-3.6	76.2	-1.3	13.8	1.7	4,534,379
Mid Cap	2.0	9.7	18.5	-4.9	28.4	20.7	22.4	1.1	21.3	1.3	543,012
Small Cap	1.1	5.2	-1.1	7.1	41.0	33.5	1.5	0.2	77.3	0.7	66,050

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Du lịch và Giải trí	5.9	24.5	36.6	12.0	2.8	55.5	1.3	0.2	n.a	13.6	131,903
Bán lẻ	5.0	13.4	44.9	15.5	6.4	9.3	5.0	1.1	93.0	3.8	134,882
Tiện ích	2.6	9.7	8.2	63.3	132.3	138.8	3.1	1.4	20.4	1.9	321,662
Dược và Y tế	2.3	4.2	10.8	-23.0	-2.1	18.9	0.2	0.0	15.9	2.1	38,177
Công nghệ Thông tin	2.1	11.0	38.8	14.9	54.7	107.3	5.0	1.0	26.4	4.4	190,531
Tài chính	2.1	8.9	16.0	-18.0	11.3	-18.3	12.7	-1.4	20.1	1.7	210,164
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	1.7	8.3	24.2	-6.0	17.2	20.8	7.5	0.2	15.7	1.5	161,799
Hóa chất	1.6	14.5	44.2	9.1	36.1	46.1	7.1	1.2	29.0	2.2	256,404
Ô tô & Phụ tùng	1.4	10.4	15.6	-18.7	4.1	22.3	0.6	-0.0	17.4	1.2	16,894
Xây dựng và vật liệu	1.2	6.3	5.6	-11.3	19.6	-11.1	4.8	-0.3	20.7	1.3	134,068
Thực phẩm và đồ uống	1.0	7.0	3.5	-18.4	4.6	6.0	9.3	-1.1	22.9	2.3	441,215
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8	4.2	16.7	-11.0	28.4	40.8	2.1	0.0	15.5	1.9	62,243
Bảo hiểm	0.6	13.2	14.6	19.2	138.2	208.5	0.6	0.1	14.7	1.4	46,694
Dầu khí	0.0	12.6	17.0	-6.2	23.1	23.6	1.6	0.0	21.2	2.3	69,688
Tài nguyên cơ bản	-0.5	10.6	10.8	-32.5	-13.1	-15.4	5.6	-2.0	6.9	1.6	233,140
Bất động sản	-1.1	1.9	-0.9	-14.5	11.2	-15.5	15.1	-1.0	15.7	1.1	726,989
Truyền thông	-1.5	1.0	-22.5	-23.3	-13.3	-21.2	0.1	0.0	22.5	0.9	1,657
Ngân hàng	-1.7	-1.1	13.2	-7.3	12.8	-3.7	18.4	0.3	9.5	1.5	1,946,740

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,195**	-17.7	-54.3	-211.0	-355.4
Nước ngoài	**2,266**	-11.2	-7.7	-104.0	-106.6
VanEck Vectors Vietnam ETF	518	0.0	0.0	0.0	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	779	-9.4	-29.6	-66.1	10.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	425	0.0	0.0	-25.1	-212.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	314	-1.8	7.2	-26.4	33.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	206	0.0	14.7	17.7	-2.6
Premia MSCI Vietnam ETF	10	0.0	0.0	-4.1	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**928**	-6.5	-46.6	-107.0	-248.8
DCVFMVN Diamond ETF	554	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	280	-3.4	-20.5	-47.7	-98.7
SSIAM VNFIN LEAD ETF	55	-2.8	-25.8	-57.4	-148.2
MAFN VN30 ETF	24	-0.2	-0.2	-0.2	-1.8
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	-1.1	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	-0.6	2.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	4,960	-3,356	-3,356
Ấn độ	-177	-3,150	-4,247	-2,889
Indonesia	-294	-876	-2,017	-331
Nhật Bản*	525	8,117	27,925	38,330
Maylaysia	-160	418	130	-56
Philippines	-49	-84	-496	-334
Hàn Quốc	-2,080	-687	1,900	13,296
Sri Lanka	0	-1	-1	-27
Đài Loan	-2,411	3,777	-1,051	3,678
Thái Lan	-209	-344	-236	-2,169
Việt Nam	-176	-528	-657	-1,058

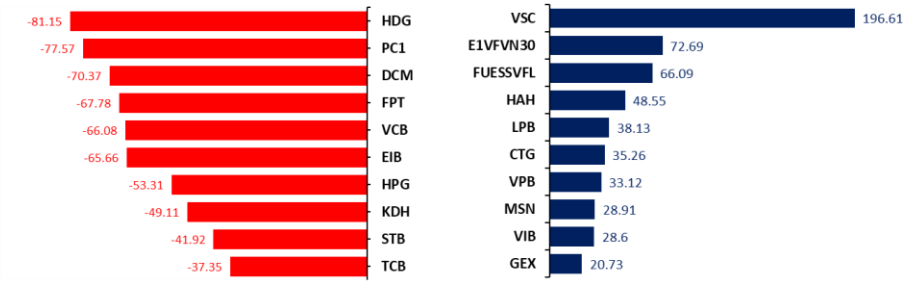
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

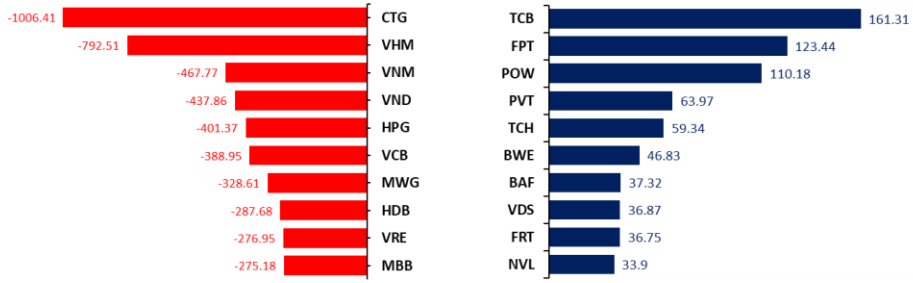
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-239	-635	968	-333
Tài nguyên Cơ bản	-53	-467	695	-227
Truyền thông	0	1	-1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	218	-80	-660	739
Y tế	0	3	-1	-2
Hóa chất	-98	-123	240	-117
Dịch vụ tài chính	118	-977	1,055	-78
Du lịch và Giải trí	-12	-23	72	-48
Ngân hàng	-148	-1,789	2,978	-1,189
Xây dựng và Vật liệu	-64	6	14	-19
Thực phẩm và đồ uống	18	-487	488	-1
Bán lẻ	-31	-164	206	-42
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-33	49	-13	-36
Hàng cá nhân & Gia dụng	-30	-28	-78	106
Công nghệ Thông tin	-101	9	226	-235
Ô tô và phụ tùng	-12	67	-39	-28
Bảo hiểm	-4	14	-30	16
Dầu khí	19	-63	30	32
Tổng	-453	-4,686	6,149	-1,463

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HTI	Xây dựng và Vật liệu	15.80 - 18.65	15.9	-11.7%
2	SVI	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.50 - 74.30	63.0	-10.6%
3	HU1	Xây dựng và Vật liệu	4.86 - 11.20	5.7	-9.8%
4	VAF	Hóa chất	9.52 - 16.55	13.9	-8.9%
5	QCG	Bất động sản	6.64 - 18.80	15.3	-7.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
23.5%	15.5	10.05 - 16.65	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VIP
21.7%	11.2	8.19 - 11.20	Bán lẻ	CMV
20.5%	10.6	5.89 - 11.60	Bất động sản	CCL
19.0%	3.2	2.13 - 4.46	Hàng cá nhân & Gia dụng	SVD
18.6%	10.6	4.10 - 8.40	Xây dựng và Vật liệu	EVG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CX8	Xây dựng và Vật liệu	3.80 - 9.30	7.1	-22.8%
2	VE3	Xây dựng và Vật liệu	7.40 - 15.10	8.0	-19.2%
3	BXH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.40 - 26.60	17.6	-18.5%
4	BST	Xây dựng và Vật liệu	10.90 - 22.40	15.0	-15.7%
5	VIT	Xây dựng và Vật liệu	12.70 - 19.80	16.4	-14.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.6%	38.0	7.10 - 38.00	Xây dựng và Vật liệu	HMR
38.0%	12.7	8.00 - 13.40	Hàng cá nhân & Gia dụng	SHE
34.5%	3.9	2.70 - 4.80	Xây dựng và Vật liệu	VE1
29.4%	4.4	2.80 - 5.50	Công nghệ Thông tin	SRA
28.1%	8.2	4.70 - 9.80	Ô tô và phụ tùng	CMC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BBH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.10 - 15.20	8.4	-35.9%
2	CI5	Xây dựng và Vật liệu	5.00 - 14.50	8.1	-32.5%
3	LCM	Tài nguyên Cơ bản	1.90 - 4.30	1.9	-29.6%
4	BSD	Thực phẩm và đồ uống	7.30 - 26.10	15.1	-27.4%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	0.20 - 0.80	0.3	-25.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
62.9%	15.8	6.40 - 15.80	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	NS2
54.3%	5.4	3.00 - 7.10	Xây dựng và Vật liệu	HU3
50.0%	6.0	2.70 - 6.70	Thực phẩm và đồ uống	BLF
35.3%	4.6	2.70 - 5.20	Xây dựng và Vật liệu	VHH
34.2%	10.2	3.90 - 12.90	Hóa chất	APP

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TDM	CTCP Cảng Quy Nhơn	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3,558.3	609.5	50.0	35.54 - 51.50	3.1
2	HNA	Thủy điện Hủa Na	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	281.4	569.9	23.3	18.40 - 24.40	2.0
3	SGR	Địa ốc Sài Gòn	Bất động sản	3,800.7	248.4	25.2	17.10 - 31.60	17.2
4	CSM	Cao su Miền Nam	Ô tô và phụ tùng	3,953.8	160.2	16.4	11.70 - 18.80	0.0
5	NHH	Nhựa Hà Nội	Hóa chất	27,549.4	140.4	19.6	13.80 - 23.30	11.7
6	EIB	Eximbank	Ngân hàng	324,676.4	125.8	20.0	16.25 - 22.37	11.5
7	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Dịch vụ tài chính	105,692.6	118.7	16.3	11.33 - 18.60	7.6
8	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	254,603.9	117.4	12.6	10.40 - 14.20	11.0
9	VIP	Vận tải Xăng dầu VIPCO	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23,911.4	98.7	15.5	10.05 - 16.65	23.5
10	GEG	Điện Gia Lai	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15,531.5	98.4	14.0	11.90 - 16.75	6.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

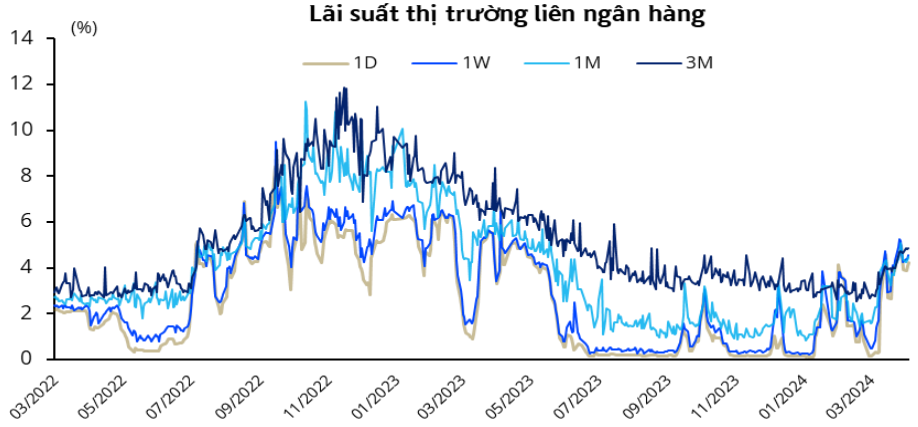
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	104.77	-0.3	-1.4	0.6	3.4	
VND/USD	25,453	-0.1	0.5	3.3	4.9	
KRW/USD	1,385.00	1.1	0.2	4.0	7.5	
JPY/USD	157.31	0.2	-0.3	4.9	11.5	
EUR/USD	0.92	0.1	-1.6	-0.3	1.8	
SGD/USD	1.35	0.2	-1.0	0.5	2.4	
CNY/USD	7.24	0.0	0.0	0.7	2.0	

Hàng hóa

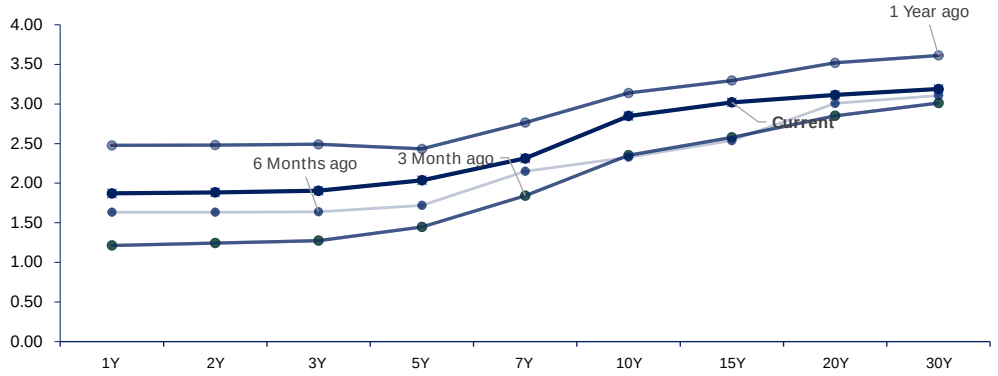
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	77.98	1.4	-4.8	-0.4	8.8	
Xăng	240.06	-2.8	-11.4	4.2	14.2	
Gas	2.55	-4.1	28.0	37.0	1.4	
Than	142.40	-0.2	0.1	8.7	-2.7	
Vàng	2,341.63	0.3	2.4	14.5	13.5	
Bạc	31.18	3.0	18.6	37.5	31.0	
Platinum	1,025.56	-0.3	9.4	16.5	3.4	
Quặng sắt	117.62	0.0	6.0	-5.8	-13.7	
Thép cán	3,820.00	-0.9	0.1	-4.8	-6.3	
Lúa mì	688.50	-1.4	17.7	19.2	9.6	
Ngô	452.00	-2.6	2.8	8.7	-4.1	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.87	1.88	1.90	2.04	2.31	2.85	3.02	2.58	2.54
Thay đổi (BPS)*	0.00	0.00	0.00	-1.30	-3.90	-7.10	-4.20	-0.40	0.50

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.